TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Sáu cửa vào động thiếu thất - Cửa thứ hai: Phá tướng luận

ISSN: 2734-9195 16:37 03/08/2023

> Cầu mà không cầu nghĩa là hằng trở về với tâm thì đó là cầu Phật. Ngoài tâm ra thì không có một vật gì thật hết. Cho nên mới nói: "Rõ biết tam giới không không vật." Muốn cầu Phật thì chỉ cầu nơi tâm thôi, chính cái "tâm tâm" đó mới là Phật chớ không có cái nào khác. Ngay nơi tâm đó, chính nó là Phật.
>
> **Tổ Bồ Đề Đạt Ma - HT.Thích Thanh Từ** dịch và giảng giải

Phá tướng tức là dẹp bỏ những cái hình tướng bên ngoài để trở về bản tâm.

Hỏi: - Nếu có người chí cầu Phật đạo phải tu pháp gì thật là tỉnh yếu?

Chữ tỉnh là đơn giản, chữ yếu là thiết yếu. Nói tóm lại là phương pháp đơn giản, thiết yếu là pháp gì?

Đáp: - Chỉ quán tâm. Đó là một pháp tổng nhiếp hết các pháp cho nên rất là tỉnh yếu.

Tức là chỉ có phương pháp quán tâm là tỉnh yếu bậc nhất, chớ không có phương pháp nào tỉnh yếu hơn nữa. Tại sao vậy? Vì một cái tâm đó nó bao trùm hết các pháp cho nên nói là tỉnh yếu.

Hỏi: - Sao nói một pháp hay nhiếp hết các pháp?

Đáp: - Tâm là cội gốc của muôn pháp. Tất cả các pháp chỉ do tâm mà sinh ra. Nếu hay liễu được tâm thì muôn pháp đều đầy đủ, ví như cây to có những cành lá và hoa quả thảy đều y nơi cái gốc mà sinh ra. Khi chúng ta chặt cây, đào gốc ắt là cây phải chết. Nếu liễu được tâm mà tu hành thì tỉnh lực mà dễ thành (tỉnh lực tức là ít tốn công lực). Còn không liễu được tâm mà tu hành thì phí công nhiều mà vô ích. Cho nên biết tất cả thiện, ác đều do nơi tâm mình. Ngoài tâm riêng cầu cái gì khác trọn không có lẽ ấy.

Như vậy ở đây có hai câu hỏi:

1. Câu thứ nhất: Mở màn cho người cầu đạo có phương pháp gì vừa đơn giản mà lại thiết yếu. Ngài chỉ cho một phương pháp đơn giản và thiết yếu nhất là Quán tâm. Quán tâm không phải ngồi lại một chỗ mà quán tâm, mà là trở về thấy được tâm mình hay là chăn trâu, nghĩa là thấy nó đang chạy Đông chạy Tây hay là thấy nó đứng yên lặng. Đó gọi là quán tâm. Pháp quán tâm là pháp cội nguồn.

2. Câu thứ hai: Tại sao nói: "chỉ có một pháp đó mà trùm hết các pháp"? Vì pháp quán tâm nó là cội gốc của các pháp. Ví như cây to có hoa, quả, có cành, có lá. Cành, lá, hoa, quả tuy nhiều nhưng từ cái gốc mà ra. Nếu chúng ta muốn cây nó chết thì chặt gốc nó, tự nhiên cành, lá, hoa quả theo đó mà hết. Như vậy muôn pháp thiện, ác đều từ tâm mà ra. Nếu ngay tâm mà chúng ta nhận được, liễu tri được thì muôn pháp cũng theo đó mà sạch. Không trở về tâm mà đi cầu những pháp khác bên ngoài thì không bao giờ có cái lẽ đó, nghĩa là không bao giờ đạt được đạo.

Hỏi: - Thế nào là quán tâm gọi đó là liễu?

Đáp: - Bồ-tát-ma-ha-tát khi hành thâm Bát-nhã-ba- la-mật-đa rõ tứ đại, ngũ uẩn vốn là không, là vô ngã rồi liễu kiến (tức thấy rõ), tự tâm khởi dụng có hai thứ sai biệt: Một là tịnh tâm. Hai là nhiễm tâm.

Hai thứ tâm này pháp giới tự nhiên. Tại sao gọi hai thứ tâm này pháp giới tự nhiên? Vì xưa nay đều có, tuy lìa cái giả duyên mà hiệp lẫn nhau đối đãi.

Bởi hai cái đó xưa nay nó đều đủ. Tuy lìa giả duyên mà khi hiệp thì nó lẫn nhau đối đãi tức nhiên đây muốn nói rằng: Tâm nhiễm, tâm tịnh là hai cái tâm nó vẫn có sẵn bên mình, nó sẵn có chớ không phải đợi tạo mới có. Ngay nơi mỗi con người chúng ta đều có sẵn tâm nhiễm, tâm tịnh cho nên gọi là pháp giới tự nhiên. Đứng về mặt tâm thể thì nó lìa giả duyên (tức là duyên mượn bên ngoài), tâm thể nó không dính gì với cái giả duyên bên ngoài, nhưng mà khi cái duyên hiệp với nó cho nên gọi là hiệp hỗ tương đãi. Cái duyên mà hiệp lại với nhau thì nó trở thành đối đãi, bởi vì khi chúng ta không có khởi niệm thì cái tâm đó ra sao? Nó hiệp với tướng bên ngoài cho nên gọi là hỗ hiệp, tức là hiệp lẫn nhau, khi hiệp như vậy ở trong có tâm, ở ngoài có cảnh, tức là khởi niệm thì trong có tâm duyên theo cái gì? Duyên theo sự vật bên ngoài thì ngoài có cảnh. Vì vậy mà tâm cảnh đối đãi.

- Tịnh tâm hằng ưa nhân lành (tâm tịnh thì nó ưa nhân lành). Còn nhiễm thì nó thường suy nghĩ nghiệp ác.

Như vậy nói cái nhiễm, cái tịnh là nói khi khởi nghiệp. Khởi niệm thì hoặc có lành hoặc có dữ. Cái tịnh thì ưa nghĩ những cái lành, còn nhiễm thì thường nghĩ những cái ác.

Nếu không thọ (tức không nhận) cái nhiễm nó huân vô thì gọi là thánh.

Người nào tu hành mà không nhận, không chịu những cái nhiễm làm nhơ nhớp tâm mình thì gọi là Thánh.

- Bèn hay xa lìa các khổ, chóng được cái vui Niết- bàn.

Người nào mà lìa được cái nhiễm, không bị nó huân vô thì người đó là Thánh, là lìa khổ, là được vui Niết-bàn.

Còn nếu theo tâm nhiễm mà tạo nghiệp tức là phải chịu sự trói buộc gọi người đó là phàm, sẽ chìm đắm trong tam giới, chịu các thứ khổ.

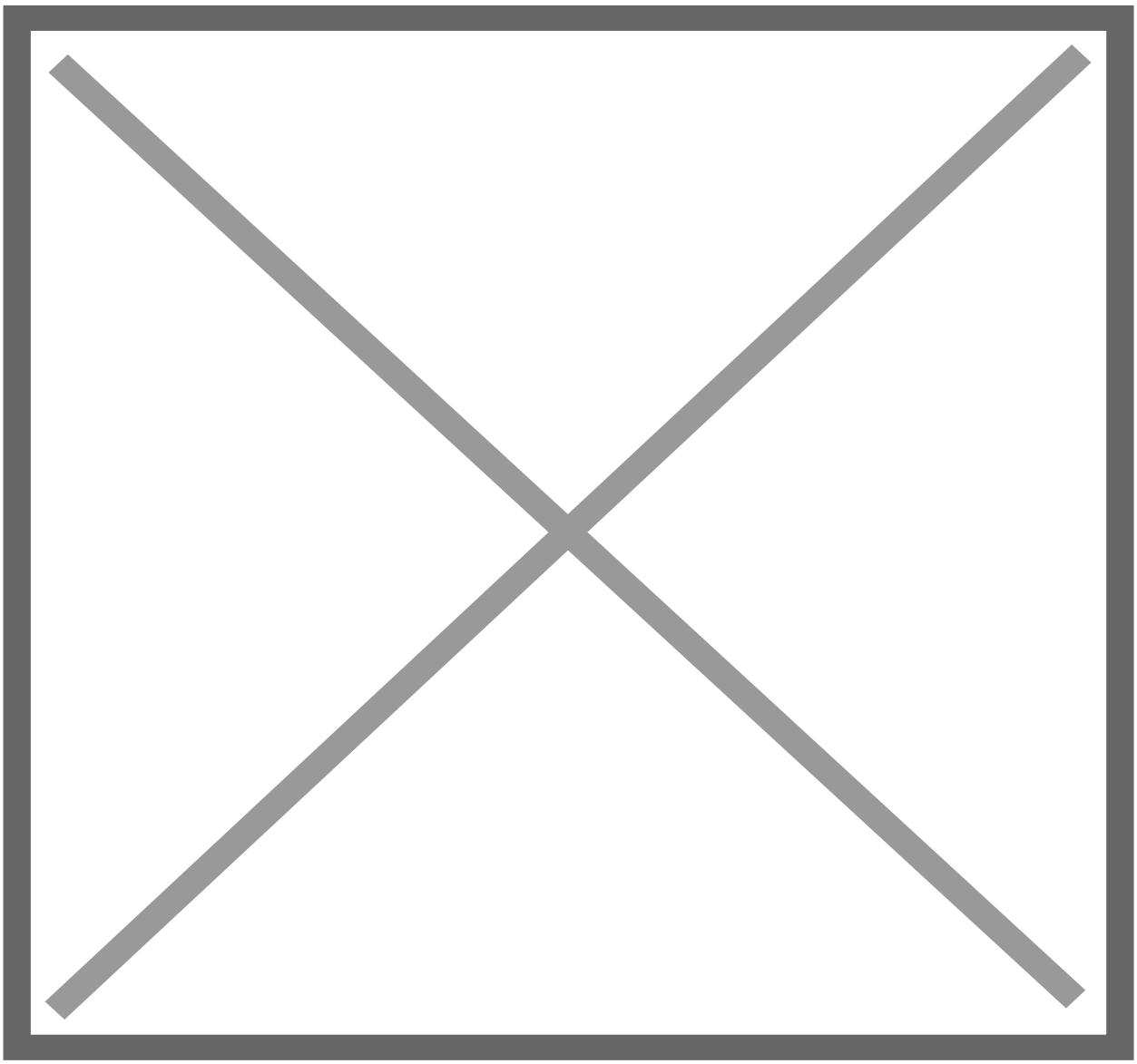
Như vậy nếu chúng ta theo cái chiều nhiễm để làm cho nó ô nhiễm ở trong mình, tức là chúng ta tạo nghiệp rồi chịu luân hồi trong tam giới, như vậy đó là phàm.

Vì cớ sao? Do cái tâm nhiễm kia nó che lấp cái thể chân như, nó làm chướng ngại cái thể chân như, cho nên kinh Thập Địa nói: “Trong thân chúng ta có Phật tính kim cương.”

Sở dĩ nói Phật tính kim cương đây là cả pháp lẫn dụ. Phật tính bất sinh bất diệt, không có gì phá hoại được nên ví dụ như kim cương. Ông Phật tính đó chắc cũng cứng ngắc rồi mình không có lúc nào an ổn được, phải vậy không? Thành ra chữ kim cương là cái bất hoại, là cái không sinh diệt. Vì Phật tính là cái không sinh diệt và không có gì phá hoại được nó, cho nên gọi là Phật tính kim cương.

Ví như vầng mặt trời sáng suốt, tròn đầy, rộng lớn không có ngằn mé, chỉ bị những lớp mây ngũ ấm che đậy, ví như ở trong cái bình để cái ngọn đèn sáng mà không thể phát hiện ánh sáng.

Tỉ dụ như trong cái bình sành để một ngọn đèn sáng, trong đó phát ra ánh sáng được không? Cho nên nói nó không phát hiện ánh sáng được.



Lại trong kinh Niết-bàn cũng nói: “Tất cả chúng sinh thảy đều có Phật tính, vì vô minh che đậy nó cho nên không được giải thoát.” Phật tính ấy tức là tính giác vậy. Chỉ tự giác và giác cho người cái tri giác ấy nó mới được sáng suốt rõ ràng, ắt gọi là giải thoát. Cho nên biết tất cả cái thiện đều lấy giác làm gốc. Nhân cội gốc giác này liền hay hiển hiện các cây công đức, cái quả Niết- bàn nhân đây mà được thành tựu. Quán tâm như thế gọi là liễu.

Như ở đoạn trước nói phương pháp tỉnh yếu nhất là quán tâm, là cội nguồn của muôn pháp. Quán tâm bằng cách nào? Ngay nơi tâm mình có hai phần: tịnh và nhiễm. Mình không để cái nhiễm làm ô uế tâm thì gọi là Thánh và được giải thoát. Chạy theo cái vòng nhiễm để nó che đậy cái tâm mình thì như vậy nó sẽ mờ tối, sẽ trầm luân trong sinh tử. Vì vậy cho nên nói quán tâm là liễu được tất cả.

Hỏi: - Ở trên nói Chân như, Phật tính, tất cả các công đức, nhân nơi gốc giác (hay là nhân nơi giác làm gốc). Chưa biết cái tâm vô minh lấy gì làm gốc?

Hồi nãy ở trên nói rằng chân như, Phật tính và tất cả công đức nhân nơi giác làm gốc. Vậy không biết cái tâm vô minh ấy lấy gì làm gốc?

Đáp: - Cái tâm vô minh tuy có tám muôn bốn ngàn phiền não, tình dục và hằng hà sa số các thứ ác đều lấy tam độc làm cội gốc. Ba độc ấy tức là tham, sân, si ấy vậy.

Như vậy thì cội gốc của tất cả pháp ác là tham, sân, si. Còn cội gốc của tất cả pháp lành là tính giác.

Ba thứ độc này tự hay đầy đủ tất cả cái ác, ví như cây to cái gốc tuy là một mà sinh ra cành, lá, cái số nó lại vô biên. Ba cái gốc độc kia mỗi cái gốc sinh ra các nghiệp ác trăm ngàn muôn ức, nghĩa là bội quá hơn trước nữa không thể nào dụ được. Như thế cái tâm ba độc đó nhân ở trong cái bản thể của nó ứng hiện ra vào nơi sáu căn, cũng gọi là lục tặc tức là lục thức vậy. Do sáu thức này ra vào nơi các căn rồi tham trước vạn cảnh hay thành ra các nghiệp ác mà chướng ngăn cái thể chân như cho nên gọi nó là lục tặc.

Chúng ta thấy tuy nói phiền não rất nhiều, trăm ngàn muôn ức nhưng mà ở đây cái gốc của nó chỉ là tham, sân, si thôi. Bởi có tham, sân, si ở trong rồi nó mới nương nơi cái bản thể này ứng hiện ra sáu căn thì sáu căn này biến thành lục tặc. Còn nếu không có tham, sân, si thì sáu căn nó thành cái gì? Nếu không có tham, sân, si thì nó biến thành lục ba- la-mật hoặc là lục thần thông. Chỉ vì tham, sân, si mà sáu căn biến thành lục tặc.

Tỉ dụ con mắt mình mà không có cái tham hợp tác với nó thì nó đâu bị nhiễm sắc thì đâu có che ngại chân như, phải vậy không? Lỗ tai mình mà không có cái sân hợp tác với nó, nó đâu có nổi giận khi nghe người ta nói nặng, nó không nổi giận thì đâu có chướng ngại chân như? Như vậy cái tham, sân, si nó ẩn trong đó rồi nó hòa hợp với sáu căn của mình, rồi sáu căn biến thành lục tặc. Nhớ khi nào hết tham, sân, si rồi thì sáu căn cũng nghe, cũng thấy, cũng biết mà nó trở thành lục ba-la-mật hay là lục thông. Sở dĩ thành lục tặc là vì có ba chú giặc lớn ở trong.

Chúng sinh do ba cái độc và sáu thứ giặc nó làm loạn thân tâm rồi chìm đắm trong sinh tử, luân hồi trong lục thú, chịu các thứ khổ não. Ví như sông cái và rạch nhỏ, nhân nơi nguồn suối nhỏ rồi nó chảy mãi không dứt mới hay đầy dẫy nào là sóng ngòi muôn dặm.

Tức là từ nơi những nguồn suối chảy ra sông lớn, sông nhỏ, rồi từ sông lớn, sông nhỏ và các suối nó cứ chảy mãi ra biển. Cho nên khi ra biển thì nó mênh mông biến ra thành muôn ngàn lượn sóng to muôn ngàn dặm.

Nếu lại có người chặn bít cái nguồn gốc kia (tức là nguồn gốc cái suối kia), tức là các dòng đều theo đó mà dứt.

Người cầu giải thoát hay chuyển được ba độc làm ba nhóm tịnh giới, và chuyển sáu giặc ra làm sáu ba-la- mật, tự nhiên hằng lìa tất cả biển khổ.

Như vậy người tu cầu giải thoát chuyển ba độc làm ba nhóm tịnh giới và chuyển sáu giặc thành sáu ba- la-mật thì tự nhiên hằng lìa xa được tất cả cái khổ. Tam tụ tịnh giới tức là ba nhóm giới thuộc về Đại thừa: Nhiếp thiện pháp giới... rồi sáu ba-la-mật là: bố thí... Như vậy chúng ta thấy cũng từ nơi sáu căn này nếu không hợp tác với ba độc thì chuyển sáu căn thành ra lục ba-la-mật. Như vậy tu là cái chuyển, do đó mà chúng ta đang sống trong cái đau khổ mê lầm do ba độc nó hoành hành; bây giờ chúng ta chuyển ba độc được thì cái đau khổ theo đó mà sạch hết.

Hỏi: - Lục thú, tam giới rộng lớn vô biên, nếu quán tâm thì do đâu mà khỏi được cái khổ vô cùng?

Ở đây nói rằng trong lục đạo, trong tam giới thì rộng lớn vô biên, mình bây giờ chỉ quán tâm của mình không thì làm sao khỏi cái đau khổ vô cùng trong tam giới, lục thú?

Đáp: - Tam giới, nghiệp báo chỉ do tâm mà sinh ra. Cái gốc nếu mà không tâm đối trong tam giới tức là ra khỏi tam giới. Tam giới ấy tức là tam độc (nói tam giới là chỉ cho tam độc vậy): Tham là dục giới, Sân là sắc giới, Si là vô sắc giới. Cho nên gọi là tam giới. Do tam độc này tạo nghiệp nhẹ và nặng rồi phải chịu cái quả báo chẳng đồng, phân trở về nơi sáu chỗ cho nên gọi là lục thú.

Ngài nói đơn giản: tam giới là tham, sân, si chớ không có gì hết. Như vậy tham đó là dục giới, sân là sắc giới, si là vô sắc giới nghĩa là còn tham, còn sân, còn si thì còn ở trong tam giới; hết tham, hết sân, hết si thì ra khỏi tam giới. Bây giờ chúng ta thấy tham là dục giới thì dễ hiểu rồi, nhưng còn sân sao là sắc giới? Bây giờ ngay nơi thân mình, khi nổi sân hiện hình sắc sao? Dễ thấy hay khó thấy? Như vậy khi nổi sân lên thì tướng trạng người ta thấy liền phải không? Rồi khi si thì dễ thấy hay khó thấy? Ờ, si nó mờ mờ không ai thấy được nó hết. Vì vậy cho nên si nó thuộc về vô sắc giới, không có tướng trạng. Còn tướng trạng dễ thấy nhất là sân. Như vậy trong tam giới gốc từ tam độc mà ra chớ không có gì hết.

Hỏi: - Tại sao nặng, nhẹ, phân làm sáu nẻo?

Đáp: - Chúng sinh không liễu được cái chính nhân, mê nơi tâm mà tu thiện.

Đây chúng ta nhớ cho rõ cái nhân tu rồi sẽ kết quả ra sao? Sau đó tự kiểm lại coi mình tu cái nhân gì?

Mê tâm tu thiện (Mê tâm tức là không nhận được cái bản tâm của mình, không nhận được mình có cái bản tâm thanh tịnh cho nên gọi là mê tâm, nhưng mà ưa làm các việc thiện lắm. Việc thiện thì ưa làm mà không nhận được cái bản tâm thì gọi là đó là mê tâm tu thiện.) thì chưa ra khỏi tam giới, sinh ở ba cõi nhẹ. Thế nào là ba cõi nhẹ?

Chỗ gọi là mê tâm mà tu thập thiện, mong cầu được sự khoái lạc (tức là sự an vui thích thú) thì chưa ra khỏi tam giới cho nên sinh ở các cõi trời.

Như vậy tu mười điều lành mà mình không nhận được bản tâm thì mười điều lành đó mình tu mình mong cầu đời sau được an vui thì như vậy đó là còn lòng tham, mà còn lòng tham cho nên sinh ở cõi trời dục giới.

Nếu mê tâm mà giữ năm giới, vọng khởi yêu và ghét chưa khỏi sân giới thì sinh ở cõi người.

Người mê tâm rồi giữ năm giới, nhưng trong khi giữ năm giới lòng yêu ghét vẫn còn thì người đó bị vì lòng còn yêu, ghét tức là còn có nổi sân. Vì vậy cho nên không ra khỏi sân giới thì sinh ở cõi người.

Còn người mê tâm mà chấp các pháp hữu vi, rồi tin theo cái tà để cầu phước thì người đó chưa ra khỏi si giới.

Cái chấp tà cầu phước là như thế này, có nhiều người cũng ham làm lành, làm phước lắm, cả ngày chỉ lo cúng thần hoàng, thổ địa, ông táo... lo cúng lung tung phải vậy không? Cúng rồi vái, vái cho người này, nghe người ta bị tai nạn cũng vái cho họ hết. Cúng vái như vậy là thiện quá rồi phải không? Nhưng mà cái thiện trong cái tà, chấp tà mà làm thiện. Như vậy đó là được cái phước, nhưng mà cái phước đó ở trong cái si. Vì vậy cho nên kết quả phải đưa vào cái gì?

Chưa khỏi cái si giới, thì sinh trong các cõi a-tu- la. Như thế sinh cõi trời, cõi người, cõi a-tu-la gọi là ba loại, ba loại ấy gọi là trong thế giới nhẹ.

Hỏi: - Thế nào là ba cõi nặng?

Đáp: - Chỗ gọi là buông lung tâm tam độc, chỉ tạo nghiệp ác thì rơi vào cõi nặng:

- Nếu nghiệp tham nặng thì rơi vào cõi ngạ quỉ.

- Nếu nghiệp sân nặng thì rơi vào cõi địa ngục.

- Nếu nghiệp si nặng thì rơi vào cõi súc sinh.

Như thế ba cái lớp nặng chung với ba cái lớp nhẹ trước liền thành ra sáu thú. Cho nên biết tất cả cái nghiệp khổ do nơi tâm mình mà sinh ra. Chỉ hay nhiếp được tâm thì lìa được các cái tà ác, cái khổ luân hồi trong tam giới, lục thú tự nhiên tiêu diệt liền được giải thoát.

Như vậy Ngài chỉ rõ ngay nơi mình tu. Nếu mình bỏ quên tâm mà tu thì lẩn quẩn chỉ ở trong lục thú, tam giới mà thôi. Còn nếu mình nhận biết được tâm mà tu thì tự nhiên ra khỏi luân hồi trong tam giới, lục thú và được giải thoát. Đó là cái cội gốc tu hành. Cho nên, chúng ta thấy người tu bây giờ làm việc thiện tràn trề, nhưng thiện có ở trong cái tà. Thấy ai bệnh hoạn cũng thương rồi cũng tìm đủ mọi cách cứu giúp, mà nhiều khi muốn dùng thần thông, rồi cũng muốn dùng luôn bùa chú nữa, phải vậy không? Như vậy họ muốn làm cái điều đó mà với lòng thương thì tốt chứ, nhưng mà kết quả vẫn còn nằm trong cái tà si chớ chưa ra tới chỗ giải thoát. Còn người làm mười nghiệp lành mà không nhận được bản tâm, mà ưa đời sau được sung sướng thì được sinh ở cõi trời sung sướng. Vì vậy cho nên tùy theo chỗ tu mình nó nặng, nó nhẹ thì theo đó mà sinh trong lục đạo luân hồi. Còn nếu mình ngộ được tâm mà tu, dứt hết cái mầm sinh tử, ra khỏi tam giới thì đó mới gọi là giải thoát.

Hỏi: - Như Phật đã nói: "ta ở trong ba A- tăng-kỳ kiếp, vô lượng siêng năng, khổ hạnh mới thành Phật đạo", tại sao ngày nay nói rằng chỉ có quán tâm thì chế được tam độc là giải thoát?

Vì nhớ trong kinh Phật nói: Tu tam A-tăng- kỳ kiếp khổ hạnh vô cùng, cực khổ nhọc nhằn, sau mới được thành Phật mà bây giờ nói dứt hết tam độc đó được thành Phật, thì điều đó coi bộ đơn giản quá!

Đáp: - Phật đã nói ra thì không có hư dối. A-tăng- kỳ kiếp tức là cái tâm tam độc vậy.

Ngài giảng A-tăng-kỳ kiếp tức là tam độc, tại sao vậy?

Vì Ấn Độ nói A-tăng-kỳ, ở Trung Hoa nói là bất khả số tức là không có thể tính.

A-tăng-kỳ là vô số tức là không thể tính được, cho nên gọi là bất khả số.

Cái tâm tam độc này ở trong đó có hằng hà sa số cái niệm ác và ở trong mỗi niệm ác đó đều là một kiếp, như thế hằng hà sa số không tính kể cho hết nên nói tam đại A-tăng-kỳ.

Ngài mới nói trong cái tâm tam độc của chúng ta, trong đó từ tam độc nó biến ra hằng hà sa thức ác niệm, rồi mỗi ác niệm là một kiếp, như vậy dứt hết ba vô

số kiếp của tham, của sân, của si thì gọi đó là qua ba A-tăng-kỳ kiếp. Nghe giảng như vậy chúng ta thấy hơi gượng ép, phải vậy không? Nhưng sự thật cái lẽ đó là một lẽ thật mà nhiều khi chúng ta mắc kẹt trên ngôn ngữ bên ngoài. Thật tình tu hành muốn thành Phật, hết tam độc thì thành Phật chớ gì, phải vậy không? Vì có tam độc cho nên nó biến ra thiên hình vạn trạng phiền não. Bao nhiêu phiền não cũng từ gốc tam độc mà ra, tam độc nó có cái độc thô, độc tế. Tham cũng có cái tham thô, tham tế. Sân cũng có cái sân thô, sân tế. Si cũng có cái si thô, si tế. Nói thô, nói tế là mình nói hai tiếng thôi chớ còn trong cái thô còn ngàn thứ thô, trong cái tế có ngàn thứ tế nữa, phải vậy không?

Bây giờ chúng ta kể thử coi cái tham có chừng bao nhiêu thứ? Cái tham không biết bao nhiêu thứ mà tính hết. Tôi ví dụ nó phát ra lỗ tai thì tham nghe tiếng hay, nó phát ra con mắt thì tham thấy sắc đẹp, nó phát ra lỗ mũi thì tham ngửi mùi thơm, nó phát ra cái lưỡi thì tham nếm vị ngon, nó phát ra thân thì tham xúc chạm những gì nó ưa thích. Như vậy, mình nói cái tham nó phù hợp với sáu căn. Rồi trong cái tiếng nó có trăm ngàn thứ tiếng êm dịu, tiếng khen... đủ thứ tiếng nó tham được hết phải vậy không? Rồi trông thấy sắc nó có bao nhiêu thứ sắc: sắc đẹp con người, sắc đẹp nhà cửa, sắc đẹp xe cộ, sắc đẹp bông hoa... Nó phát ra cái mũi thích mùi cũng có trăm ngàn thứ mùi. Như vậy thử kiểm điểm lại coi tham có bao nhiêu thứ? Nó phát ra sáu căn thì chỗ nào tham cũng được hết. Rồi mỗi cái tham lại có trăm ngàn muôn ức cái tham. Cái sân cũng vậy, nó xáp vô sáu căn thì cái nào nó cũng sân được hết. Hễ trái với tham thì nó sân, sân đủ thứ hết. Đó là mình nói cái tham mà biến ra thiên hình vạn trạng. Cái si cũng vậy. Rồi lại có cái thô cái tế của nó nữa.

Tỉ dụ bây giờ tôi nói gần, như con mắt mình nếu mình thấy sắc đẹp của con người, mình nói: Ờ! Tham sắc đẹp đó là một tội lỗi, mình tu rồi không có tham sắc đẹp của con người nữa, nhưng khi thấy cái bông hoa đẹp mình còn thích, còn ngắm. Như vậy cái tham bông hoa đẹp nó tế hơn cái tham sắc đẹp của con người, phải không? Rồi còn cái ý của mình, hồi xưa mình tham tiền, tham của cho nên thấy tiền của ai hơ hỏng thì mình lượm. Bây giờ tu rồi, mình lượm của người ta một cách vô cớ là ăn cắp, là mang tội. Do đó bây giờ người ta để hơ hỏng, mình không dám lượm nữa, nhưng mà họ có lỡ làm rớt ngoài đường thì mình lượm, mình bỏ túi xài luôn như vậy là có tham không? Đúng lý thì mình lượm mình phải tìm cách này cách khác để mình trả, nhưng bây giờ mình lượm mình không trả, mình cho rằng mình không có ăn cắp, không phạm tội ăn cắp. Cũng có khi mình lượm mình trả thì hết tham, nhưng nhiều khi trong cái trả cũng có hai cách nữa. Lượm được một món tiền hay món đồ quí, mình thấy mình không nỡ cất mình xài, cho nên mình đem gởi cho cảnh sát hay đem gởi đâu đó để trả lại cho người làm mất. Nhưng mà khi gởi trả đó trong lòng còn tiếc phải vậy không? Còn tiếc thì có tham không? Như vậy tức nhiên mình cũng

trả, nhưng mà cũng còn hiện cái tướng tham trong đó nữa. Như vậy cái tế nó từ từ tế. Cho nên chúng ta thấy cái tham nó biến đủ thứ hết.

Cái sân cũng vậy, nhiều khi hồi xưa bình thường nghe người ta nói trái tai mình nổi giận la hét. Bây giờ tu khá rồi thì trái tai mình không có nổi giận la hét nữa mà nổi giận ngầm ngầm ở trong bụng, thấy không? Không thèm nhìn mặt người đó, muốn bỏ đi liền, như vậy cũng là sân. Rồi mai mốt họ nói trái tai mình, mình cũng không còn cái tệ là không muốn nhìn mặt họ; cũng nhìn mặt họ đó nhưng mà cũng hơi bực trong lòng. Chừng nào mà người ta nói trái tai mình thấy mà mình không có gì chướng ngại gì hết, không có cái gì làm mình bực bội hết thì tới chừng đó là hết sân. Như vậy để thấy rằng cái sân nó từ thô lần lần tới tế. Cả trăm ngàn thứ sân, cả trăm ngàn thứ si, cả trăm ngàn thứ tham cho nên gọi là vô lượng vô biên hay vô số, dùng danh từ gọi là hằng hà sa, không thể tính được.

Bây giờ nếu chúng ta tu mà dứt sạch hết ba thứ đó rồi thì tự nhiên thành Phật chớ không có gì hết. Ba thứ đó bây giờ chúng ta tính bao lâu thì chúng ta dứt hết? Nói ra thì nghe nó đơn giản quá phải không? Mình tưởng chừng như một sớm một chiều mình làm hết được vậy. Nhưng mà sự thật ba thứ đó mà hết những cái tế của nó cũng không biết bao lâu mà hết nữa! Tỉ dụ như người ta chửi vô mặt mình, mà mình không nổi nóng đó là không phải dễ đâu! Cho tới chừng nào người ta chửi vô mặt mình, mà mình cũng vẫn tươi cười như thường, cười không gượng gạo, vì nhiều khi vẫn cười nhưng cười gượng, thì cái đó cũng chưa phải là thật nữa. Như vậy cho nên hết được ba cái đó, thì thời gian nó dài đằng đẵng chớ không có mau. Cho nên biết rõ ba cái độc mà dứt thì có thể gọi là qua ba vô số kiếp. Nhưng ở đây Ngài nói ba độc nó biến hình biến trạng quá nhiều, ở trong mỗi niệm ác của mình gọi là một kiếp. Vì vậy mà chúng ta dứt bao nhiêu niệm ác, đó gọi là qua ba đại A-tăng-kỳ kiếp.

Cái tánh chân như đã bị tam độc nó che đậy, nếu không vượt qua ba đại hằng sa ác độc này thì làm sao gọi là giải thoát?

Vì vậy cho nên nói qua ba A-tăng-kỳ kiếp mới được giải thoát.

Nay nếu hay chuyển tham, sân, si... ba thứ tam độc này làm ba thứ giải thoát, ấy gọi là được độ tam A- tăng- kỳ kiếp (tức là được qua ba A-tăng-kỳ kiếp).

Chúng sinh đời mạt pháp ngu si, độn căn, không hiểu lời nói bí mật của Như Lai về ba đại A- tăng-kỳ, bèn nói thành Phật ở trong cái số kiếp như vi trần. Đây đâu khỏi làm nghi lầm những người tu hành họ thối Bồ-đề đạo.

Mình cứ nói tu là phải qua cái số kiếp nhiều như vi trần họ ngán quá chừng ngán, không biết chừng nào hết? Còn nếu nói tu tam độc, qua tam độc rồi thì đó

là qua ba vô số kiếp thì có ngán không? Hết tam độc thì qua được ba vô số kiếp. Tỉ dụ như mình thấy hôm trước mình sân mười, bữa nay mình giảm còn tám, chín thì mình thấy mình qua được một chút rồi, phải vậy không? Như vậy mình có thể lường biết được chừng nào mình thành Phật, con đường còn không xa mấy. Chớ còn nói qua ba vô số kiếp như là cát bụi thì có nghĩa là như mình vô phần, nếu vô phần thì tức nhiên mình thối Bồ-đề tâm. Vì vậy cho nên chúng ta biết ba vô số kiếp tức là tam độc. Qua ba độc rồi thì thành Phật, đó là một sự thật ở ngay nơi tâm mình. Như vậy thì chúng ta hy vọng, tuy ngày nay chúng ta còn tham, sân, si, nhưng chúng ta cố gắng nỗ lực làm cho nó giảm, nó mòn từ từ, nó giảm được phần nào thì mình thấy qua được phần nấy. Như vậy con đường thành Phật chúng ta thấy có phần chớ không phải vô phần nữa. Như vậy, Ngài chuyển hết cái bên ngoài trở về tự tâm, mà trở về tự tâm thì cái đó mình mới thấy mình làm được, chớ còn nếu mà mắc kẹt những ngôn ngữ bên ngoài, những danh từ bên ngoài thì chúng ta đâm ra chán nản, thối chí. Vì vậy cho nên hiểu lầm có thể làm cho mình thối tâm Bồ-đề.

Sở dĩ bây giờ đại đa số người tu mà không biết, không tin mình thành Phật là tại sao? Tại vì mình tưởng tu ba vô số kiếp, mà bây giờ mình nói mình làm có một kiếp nhỏ xíu, vậy còn tới hai vô số kiếp và với một vô số kiếp mà mới chỉ mòn có một chút xíu, thì không biết chừng nào mà kể, cho nên không có hy vọng thành Phật. Bây giờ mình nghĩ rằng dứt tam độc thì thành Phật, thì sẽ nỗ lực dứt mau chừng nào thì sẽ thành Phật mau chừng nấy, như vậy khả dĩ mình hy vọng phải không? Trong đời này dứt hết tam độc thì thành Phật. Chính cái đó là cái làm cho mình nỗ lực tu. Rõ ràng thành Phật thì hết tham, sân, si vì có ông Phật nào còn tham, sân, si đâu? Thấy không? Như vậy nói ba vô số kiếp thì không ai có hy vọng hết. Còn nói hết tham, sân, si thì mỗi người đều có hy vọng. Chúng ta thấy Tổ khéo léo, uyển chuyển cái bên ngoài trở về tự tâm, mà trở về tự tâm thì mình cảm thấy nó gần. Tuy nhiên muốn dứt bỏ hết phải có thời gian khá dài, nhưng mà mình cảm thấy gần, dễ tu. Chính nhờ vậy mà mình phấn chấn tu hành, dứt sớm được ba cái độc, hy vọng mau thành Phật. Đó là cái khéo léo uyển chuyển bên ngoài để trở về tự tâm. Cho nên phần này gọi là phá tướng. Phá tướng là vậy, tức là không có mắc kẹt nơi hình tướng bên ngoài mà đều qui hướng về nội tâm.

Hỏi: - Bồ-tát-ma-ha-tát do trì tam tụ tịnh giới, hành lục ba-la-mật mới thành Phật đạo, nay bảo người học chỉ có quán tâm thôi, không có tu giới hạnh thì làm sao mà thành Phật được?

Đáp: - Tam tụ tịnh giới tức là ngăn tâm tam độc vậy. Ngăn tâm tam độc thành ra vô lượng nhóm thiện. Chữ "Tụ" nghĩa là hội họp vậy. Vô lượng pháp thiện khắp hội họp nơi tâm cho nên gọi là tam tụ tịnh giới. Lục ba-la- mật ấy tức là tịnh sáu căn.

Người Ấn Độ gọi là ba-la-mật, người Trung Hoa gọi là đến bờ kia. Do sáu căn thanh tịnh không nhiễm theo sáu trần tức là qua được con sông phiền não, đến được bờ Bồ-đề cho nên nói rằng lục ba-la-mật.

Có đầy đủ lục ba-la-mật mới thành Phật, thì bây giờ lục ba-la-mật tức là sáu căn. Lục căn thay vì hồi xưa nó nhiễm với lục trần, bây giờ đây mình thanh tịnh, nó không nhiễm với sáu trần nữa, tức là đã qua được sông ô nhiễm rồi. Sông phiền não ô nhiễm đã qua tức là đến bờ Niết- bàn chớ không có gì hết, thì lục ba-la-mật là ngay nơi sáu căn mình chớ không có gì đâu xa lạ hết. Ba A-tăng-kỳ và lục ba-la- mật đều ngay nơi tâm mình và sáu căn của mình.

Hỏi: - Như kinh đã nói, tam tụ tịnh giới là:

Thệ đoạn tất cả ác

Thệ tu tất cả thiện

Thệ độ tất cả chúng sinh

Đó gọi là tam tụ tịnh giới. Nay chỉ nói chế tâm tam độc thì đâu không phải là văn nghĩa có chỗ trái nhau?

Đáp: - Phật nói kinh ấy là lời chân thật. Bồ-tát-ma- ha-tát đối ở nơi quá khứ, trong lúc tu nhân vì đối trị tam độc, phát ba thệ nguyện đoạn tất cả ác, cho nên người thường trì giới đối với tham độc. Thệ tu tất cả thiện, cho nên người thường tập định đối với sân độc. Thệ độ tất cả chúng sinh, cho nên thường tu trí tuệ đó là đối với si độc. Do trì giới, định, tuệ như thế (hay là bình đẳng như thế) ba thứ pháp thanh tịnh hay tiêu diệt ba cái độc kia mà thành Phật đạo.

- Các cái ác tiêu diệt gọi đó là “đoạn”.

- Các cái thiện đầy đủ gọi đó là “tu”.

Do hay đoạn ác, tu thiện thì muôn hạnh được thành tựu, tự và tha đều lợi, khắp cứu giúp quần sinh gọi đó là “độ”.

Cho nên biết chỗ tu giới hạnh chẳng lìa nơi tâm. Nếu tự tâm thanh tịnh thì tất cả Phật độ thảy đều thanh tịnh. Cho nên trong kinh nói: “Tâm cấu thì chúng sinh cấu. Tâm tịnh thì chúng sinh tịnh. Muốn được Tịnh độ phải tịnh cái tâm kia. Tùy theo cái tâm kia tịnh thì cõi Phật thanh tịnh. Ba nhóm tịnh giới tự nhiên được thành tựu.”

Như vậy để cho thấy, tuy ở trong kinh nói: “Tam tụ tịnh giới: - thệ đoạn tất cả ác - thệ tu tất cả thiện - thệ độ tất cả chúng sinh”, những cái đó cũng không ngoài tam độc mà ra.

- Đoạn tất cả ác tức là đoạn cái tham.

- Tu tất cả thiện tức là trừ cái sân.

- Độ tất cả chúng sinh tức là diệt cái si.

Như vậy tham, sân, si hết thì đó là được "Tam tụ tịnh giới", như vậy thì sẽ được về cõi Phật thanh tịnh.

*

Hỏi: - Như kinh đã nói: Lục ba-la-mật cũng gọi là lục độ, chỗ gọi là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ. Nay nói lục căn thanh tịnh gọi là ba-la-mật làm sao mà thông hội được? Lại lục độ cái nghĩa nó như thế nào?

Đáp: - Muốn tu lục độ phải tịnh lục căn, hàng phục lục tặc:

- Hay xả nhãn tặc (giặc mắt) lìa được cảnh sắc thì gọi đó là bố thí.

- Hay cấm nhĩ tặc, nơi thanh trần kia không cho nó buông lung gọi đó là trì giới.

- Hay nhiếp phục tỉ tặc, đồng bình đẳng với các mùi thơm, hôi, tự tại điều hòa gọi đó là nhẫn nhục.

- Hay chế phục thiệt tặc, không tham các vị và các sự ca ngâm xướng vịnh gọi đó là tinh tấn.

- Hay hàng phục được thân tặc, đối với các cái xúc dục mình lặng lẽ, không động thì gọi đó là thiền định.

- Hay điều được ý tặc, không thuận theo vô minh, thường tu giác tuệ thì gọi đó là trí tuệ.

Lục độ là vận chuyển vậy. Lục ba-la-mật như là chiếc thuyền (hay chiếc bè) hay vận chuyển chúng sinh đến nơi bờ kia cho nên gọi là lục độ.

Ngay nơi sáu căn của mình tu thì Ngài cho rằng đó là đủ cả lục độ rồi, như là con mắt thấy sắc mà không nhiễm sắc là bố thí rồi, đã xả ba-la-mật rồi. Lỗ tai nghe tiếng mà không buồn, thương, giận, ghét thì đó là trì giới rồi. Lỗ mũi ngửi mùi hôi, thơm bình đẳng là nhẫn nhục rồi đó.

Như vậy mình thấy hằng ngày sáu căn của mình lúc nào cũng có tu lục độ được hết. Nếu qui lục độ về sáu căn thì mình tu hằng ngày. Nói như vậy, chúng ta thấy danh từ nghe hơi cách biệt, khó hiểu. Nhưng sự thật chính khi qui hướng như vậy đó thì chúng ta mới thấy cái tu nó vững. Hằng ngày, hằng giờ sáu căn mình tu luôn luôn không có dừng. Còn nói lục độ là pháp ở bên ngoài, thì tu bố

thí khi nào có việc cần giúp người ta mới bố thí, như vậy coi như mình chờ có cơ hội mới làm được phải vậy không? Chớ còn hằng giờ, hằng phút mình đâu có làm hạnh bố thí. Nói lục độ ngay nơi sáu căn thanh tịnh thì giờ phút nào mình cũng tu lục độ hết. Như vậy là mới chuyển hướng được sáu căn ô nhiễm trở thành sáu căn thanh tịnh. Sáu căn ô nhiễm trở thành tịnh rồi thì đó là trở về giác chớ gì? Đó là ra khỏi bờ mê. Như vậy không phải lục độ là gì nữa? Cho nên hiểu như vậy thì thấy rõ đó là lục độ; sáu căn thanh tịnh đó là lục độ. Như vậy chúng ta nhớ cái miệng mình không có tham các vị và không có ưa ca ngâm thì gọi đó là tinh tấn rồi, phải vậy không? Hằng ngày tới bữa ăn cảm thấy vị ngon, vị dở mà mình không ưa, không ghét đó là mình có tinh tấn rồi và khi nào muốn nghe ca mình ngưng nó lại, đó là có tinh tấn rồi chớ không phải xa đâu. Chớ còn chờ ngày đêm không ngủ mới tinh tấn thì cái tinh tấn đó còn xa.

Hỏi: - Trong kinh nói: Đức Thích-ca Như Lai khi còn làm Bồ-tát từng uống ba đấu và sáu thăng sữa đặc mới thành Phật đạo, như vậy trước nhân uống sữa rồi sau mới chứng Phật đạo thì đâu chỉ quán tâm mà được giải thoát ư?

Cái dẫn này là dẫn ở trong sử, sau khi cô mục nữ đem cúng dường sữa, Ngài uống sữa xong khỏe khoắn, xuống sông tắm rồi lên trải cỏ ngồi thiền từ đó tới thành Phật đạo. Như vậy kết luận rằng nhờ uống sữa với cái đấu lượng chừng đó cho nên mới thành Phật.

Đáp: - Thật như chỗ ông biết nói ra đều không có hư dối. Quyết rằng nhân uống sữa rồi sau đó mới thành Phật. Nhưng mà nói uống sữa đó có hai thứ: Phật đã uống sữa đó không phải là cái thứ sữa bất tịnh ở thế gian, mà chính là cái chân như thanh tịnh vậy.

Ba đấu là chỉ cho tam tụ tịnh giới.

Sáu thăng là chỉ cho lục ba-la-mật.

Tu thành Phật đạo là do uống sữa pháp thanh tịnh như thế mới chứng được Phật quả. Nếu nói Như Lai uống sữa bò, do tinh ba của sữa nó phối hợp những điều bất tịnh ở thế gian thì đâu phải là chê bai, làm nghi lầm lắm ư? (chê bai, nghi lầm đức Phật vậy ư?) Vì chân như tợ kim cang bất hoại. Cái pháp thân vô lậu hằng lìa tất cả các khổ thế gian, đâu phải cái sữa bất tịnh như thế để mà nuôi dưỡng no đủ cái khát đói?

Như kinh nói con trâu (chỉ kinh Niết-bàn) ấy, nó chẳng ở chỗ cao nguyên mà nó cũng chẳng ở chỗ ẩm thấp, nó chẳng ăn các thứ lúa mạch, các thứ lúa gạo hay là bắp, mà nó cũng không cùng những con trâu đực ở chung. Thân con trâu ấy hiện ra sắc vàng tử ma. Con trâu ấy tức là chỉ cho Tỳ-lô-giá-na Phật vậy. Do lòng từ bi thương xót tất cả cho nên pháp thể thanh tịnh lưu xuất ra ba món

tịnh giới, lục ba-la-mật cái pháp nhũ vi diệu như thế để nuôi dưỡng tất cả những người cầu giải thoát. Con trâu chân tịnh như thế, cái sữa thanh tịnh chẳng phải chỉ có đức Như Lai uống nó được thành Phật đạo, mà tất cả chúng sinh nếu hay uống được nó cũng đều được Vô thượng Chính đẳng Chính giác hết.

Như vậy đó là sữa: tam tụ tịnh giới, lục ba-la- mật phát xuất từ pháp thân của Như Lai, chớ không phải là sữa thường mà chúng ta thường ngày biết.

Hỏi: - Trong kinh đã nói Phật dạy chúng sinh phải tu tạo ngôi già-lam và đúc hoặc vẽ hình tướng Phật, đốt hương, tán hoa và thắp đèn sáng luôn ngày đêm sáu thời, đi nhiễu tháp hành đạo, trì trai, lễ bái các thứ công đức đều thành Phật đạo. Nếu chỉ quán tâm mà tổng nhiếp hết các hạnh, nói việc như thế vậy là hư dối sao?

Đáp: - Phật đã nói ở trong kinh có vô lượng phương tiện, do tất cả chúng sinh độn căn, kém yếu không ngộ được cái nghĩa thậm thâm, sở dĩ mượn cái hữu vi mà dụ cho cái vô vi.

Nếu có người chẳng tu nội hạnh duy chỉ cầu bên ngoài mong làm thánh, cầu được phước không có thể được (vô hữu thị xứ).

Như vậy ý Ngài nói rằng sở dĩ trong kinh mà có chép những đoạn dạy rằng: Chúng sinh phải tu tạo ngôi già-lam, rồi phải đúc tượng Phật, vẽ tượng Phật Bồ-tát để thờ, rồi phải thắp hương, tán hoa, phải thắp đèn lưu ly sáng luôn ngày đêm, rồi sáu thời hành đạo không dừng, trì trai lễ bái. Do công đức đó được thành đạo. Hỏi vậy, bây giờ Ngài chỉ dạy quán tâm không thì như vậy mấy chuyện kia bỏ sao? - Đây, Ngài mới trả lời: Nói rằng chúng ta tu, Phật sở dĩ nói ra trong kinh như vậy là Ngài dùng vô lượng phương tiện. Trong những phương tiện đó là vì những người độn căn kém yếu, không ngộ được cái nghĩa sâu xa của Phật, cho nên mượn cái hữu vi để mà chỉ cho cái vô vi, mà mình không chịu tu ở bên trong, chỉ cầu bên ngoài muốn được phước thì không thể nào được hết.

Nói già-lam là cái gì?

Già-lam đó là tiếng Ấn Độ. Ở Trung Hoa dịch là thanh tịnh địa là chỗ đất thanh tịnh (già-lam là đất thanh tịnh). Nếu hằng trừ được ba độc, thường tịnh được lục căn, thân tâm lặng lẽ trong ngoài thanh tịnh, ấy là tu tạo già lam.

Như vậy, chúng ta cất không biết bao nhiêu chùa, ngày ngày sáu căn giữ cho thanh tịnh là cất chùa rồi đó. Làm ngôi già-lam thanh tịnh, cất chùa là như vậy. Mình bây giờ không lo sáu căn thanh tịnh, mà lo sắm sửa những thửa đất cho rộng hoặc cất chùa cho lớn rồi gọi đó là tu tạo già-lam, như vậy là khác với cái nghĩa của Ngài muốn nói rồi.

Nói đúc tạc hình Phật hay là vẽ hình tượng Bồ- tát... ấy là tất cả chúng sinh cầu Phật đạo vậy. Chỗ gọi rằng tu các giác hạnh (tu các hạnh giác ngộ) nó giông giống Như Lai, cái chân dung, diệu tướng nó mường tượng hình dáng, chân dung, diệu tướng của Như Lai.

Đây là cái tạo tác, đúc tượng bằng đồng hay là vẽ họa những tượng bằng giấy... không phải vậy!

Nghĩa là nói rằng chúng ta tu tập cái hạnh giác giông giống như cái diệu hạnh, diệu tướng của Như Lai, như vậy đó là chúng ta đã đúc tượng Phật, chúng ta đã vẽ tượng Phật rồi.

Thế nên người cầu giải thoát dùng cái thân làm lò hương, dùng cái pháp làm lửa, dùng cái trí tuệ làm thợ khéo léo, dùng tam tụ tịnh giới và sáu ba-la- mật làm khuôn mẫu để mà đúc. Còn để lọc cái chân như Phật tính ở trong thân (tức là lọc luyện chân như Phật tính ở trong thân) khắp vào tất cả ở trong cái mô phạm, giới luật như lời dạy mà vâng làm, một cũng không thiếu sót, tự nhiên được thành tựu được cái hình tượng chân dung Phật. Chỗ gọi rằng cứu kính thường trụ vi diệu pháp thân, không phải những pháp hữu vi bại hoại. Nếu người cầu đạo không hiểu đúc tạc cái chân dung như thế nương vào cái gì mà nói là công đức? (Nếu không chịu đúc tả chân dung Phật giống như ở đây dạy, hỏi nương vào đâu mà nói công đức?)

Lại nói là đốt hương cũng không phải là cái hương có tướng ở thế gian, mà chính là cái hương vô vi chính pháp vậy. Trong hương đó thì mùi hôi nhơ của vô minh, ác nghiệp thảy khiến nó tiêu diệt... Hương chính pháp ấy có năm thứ:

- Một là hương giới: Chỗ gọi rằng năng đoạn các cái ác hay tu các cái lành.

- Hai là hương định: Chỗ gọi rằng thâm tín Đại thừa, tâm không còn thối chuyển.

- Ba là hương tuệ: Chỗ gọi rằng thường ở nơi thân tâm, trong thì tự quán sát (ở trong mà tự quán sát thì gọi đó là hương tuệ).

- Bốn là hương giải thoát: Chỗ gọi rằng hay đoạn tất cả vô minh kiếp phược, gọi là hương giải thoát.

- Năm là hương giải thoát tri kiến: Chỗ gọi rằng quán chiếu thường sáng suốt, thông đạt không có ngại.

Năm thứ hương thơm như thế gọi là cái hương tối thượng, thế gian không có gì sánh bằng.

Phật khi còn tại thế, khiến các vị đệ tử dùng lửa trí tuệ thiêu những cái hương vô giá như thế để cúng dường mười phương chư Phật. Thời nay chúng sinh không hiểu cái nghĩa chân thật của Như Lai đã chỉ cho, mà cứ đem lửa bên ngoài đốt những thứ hương trầm ở thế gian hoặc là huân lục các hương có chất ngại rồi mong mỏi được phước báu thì làm sao mà được?

Mình chỉ tu bên ngoài cầu phước báu, thắp hương hết cây này đến cây khác, đốt hoài hết tiền thôi thì làm sao mà được phước báu? Phước báu là phải có năm thứ hương trên, năm thứ hương đó mà đốt hằng ngày thì được phước báu vô lượng vô biên.

Lại nói tán hoa là sao? Nghĩa cũng như thế. Chỗ gọi rằng diễn nói chính pháp các hoa công đức.

Nói tán hoa tức là tán chính pháp ra cho thiên hạ được nghe, được lãnh hội. Diễn nói chính pháp cho người ta nghe, người ta hiểu, người ta tu là tán hoa. Cho nên nói rằng tán hoa công đức.

Làm lợi ích cho hữu tình tán thiên (tức là mình tán hoa khắp tất cả). Đối với tính chân như khắp thì trang nghiêm. Đây là hoa công đức Phật khen ngợi, cứu kính thường trụ không có thời kỳ nào tàn héo. Nếu lại có người tán được cái hoa như thế thì được phước vô lượng, nếu nói Như Lai dạy chúng sinh cắt chặt những cái lụa là hoặc là thương tổn những cỏ cây để lấy làm hoa mà tán thì không phải vậy. Vì cớ sao? Bởi vì người trì giới thanh tịnh đối với các vạn tượng sum la trong trời đất không khiến cho xúc phạm, nếu lầm xúc phạm còn mắc cái tội rất lớn, huống lại ngày nay cố tình hủy hoại, phá tịnh giới thương tổn vạn vật để cầu được phước báu, thì muốn lợi ích mà trở lại còn tổn giảm.

Mình bây giờ cắt cây, bẻ lá làm thương tổn chúng sinh cho mình được phước như vậy trái quá rồi thấy không? Thành ra tán hoa là tán cái gì? Tức là đem giáo lý Phật chỉ dạy cho mọi người. Như bây giờ tôi tán hoa cho quí vị đó, chớ còn mình cứ đem cái hoa cắt ở trong bình chưng mà trong bình hôi hám mà nói tán hoa hay cúng dường Phật, như vậy là làm thương tổn chúng sinh mà muốn được phước làm sao mà được?

Còn nói đốt đèn lưu ly thường cho sáng suốt ngày đêm: Tôi thấy cái đó thật vô lý. Thắp cái đèn sáng trên bàn Phật, nói cái đó được phước vô lượng vô biên thì không biết phước sao? Có người nói nhờ thắp đèn sáng, ở ngoài trông vô thấy tượng Phật trang nghiêm mà phát tâm cho nên có phước. Nói như thế thì nghe cũng có lý, mà lý đó nhẹ lắm. Ở đây Ngài nói thắp đèn sáng như vầy:

Thường sáng như mặt trăng (tức là cái đèn thường sáng suốt ngày đêm đó) tức là cái tâm chính giác, cái giác tức là mình liễu dụ cho ngọn đèn. Thế nên tất cả

mọi người cầu giải thoát lấy thân làm đài của ngọn đèn, lấy tâm làm tim của ngọn đèn, còn giới hạnh đó là thêm dầu (giới hạnh là châm dầu cho đèn) mà soi khắp tất cả vô minh, si ám, hay lấy những cái phát minh này thứ lớp mà khai thị cho nhau, tức là một ngọn đèn thắp một ngọn đèn, rồi từ ngọn đèn này qua trăm ngàn ngọn đèn, đèn này qua đèn khác không cùng tận nên gọi là chong đèn sáng mãi. Trong quá khứ có đức Phật tên là Nhiên Đăng cái nghĩa cũng như thế.

Hồi xưa hiệu của đức Phật Nhiên Đăng là đốt đèn, đốt như thế rồi thành Phật, chớ không phải đốt như mình, sao đốt đèn hoài mà không thành Phật? Tại vì mình không biết lấy thân làm đài đèn, lấy tâm làm tim đèn, lấy cái giới hạnh làm dầu. Cái đèn đó đốt lên là để chiếu phá vô minh, si ám, rồi cái đèn này mồi cho đèn kia, mồi hoài không hết, đó là đăng đăng truyền minh vô tận, vô tận đăng là vậy.

Chúng sinh ngu si không hội được lời nói phương tiện của Như Lai, chuyên hành cái hư vọng chấp trước hữu vi, bèn đốt đèn dầu ở thế gian để chiếu soi trong cái nhà trống, gọi đó là y theo lời Phật dạy, đó là lầm rồi! Vì cớ sao?

Phật phóng hào quang, cái tướng hào quang sáng ở giữa chân mày hay chiếu soi muôn ngàn thế giới, đâu nhờ cái ngọn đèn dầu thô như thế để làm lợi ích. Xét kỹ cái lý này đâu không phải như vậy? Lại sáu thời hành đạo ấy, chỗ gọi rằng ở trong sáu căn (mình nói là ngày đêm sáu thời hành đạo là gì?) trong tất cả thời thường hành đạo, tu các giác hạnh, điều phục sáu căn, luôn luôn không bỏ gọi là lục thời hành đạo.

Do đó lục thời hành đạo với mình thì cứ chia ra Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu gì đó..., mỗi thời hành đạo thì đó gọi là lục thời. Nhưng không phải, lục thời hành đạo tức là nơi sáu căn thường dùng giác hạnh chiếu soi nó, đó là lục thời hành đạo. Như vậy hai cái hành đạo khác nhau, cái kia thì đúng giờ nào đi tụng kinh một thời, rồi đúng giờ kia đi tụng kinh một thời. Như vậy quí vị thấy hai người hành đạo ai tỉnh hơn ai? Nếu hành ở sáu căn thường thường tỉnh giác mình thấy cái đó mới tỉnh giác chứ. Thành ra nói lục thời mà thời nào cũng tu hết, nghĩa là luôn luôn tất cả thời đều tu hành, thường hành Phật đạo, tức là tu các giác hạnh để điều phục sáu căn của mình luôn luôn không bỏ thì gọi đó là lục thời hành đạo.

Còn nói nhiễu tháp hành đạo là sao? Chữ tháp là chỉ cho thân vậy. Phải tu các giác hạnh tuần nhiễu nơi thân tâm (tức là xung quanh thân tâm) mỗi niệm, mỗi niệm chẳng dừng gọi đó là nhiễu tháp.

Quá khứ các vị Thánh đều hành cái đạo này đến được Niết-bàn. Thời nay người đời không hội được lý này, chẳng ở trong mà hành, chỉ chấp ở ngoài mà cầu đem cái thân chất ngại đi nhiễu cái tháp luống tự nhọc công.

Đi quanh cái tháp ngày đêm hoài như vậy cho là đi nhiễu tháp hành đạo, mà không ngờ nhiễu tháp hành đạo là tuần hành nơi sáu căn của mình, tức là ngay nơi thân mình luôn luôn dùng cái giác hạnh hoài, tu mãi, không bỏ lơ, không quên sót, đó là nhiễu tháp hành đạo.

Bây giờ nói trì trai. Thông thường mình hay tự khoe tôi từ bé chí trưởng trì trai thanh tịnh. Trì trai như thế nào? Tưởng rằng không ăn thịt cá đó là trì trai phải không? Ở đây Ngài dạy:

Trì trai đó là phải nên hội được cái ý, nếu không đạt được cái ý đây thì luống nhọc công phu.

Chữ trai là tề vậy. Chỗ gọi rằng đồng tề tức là nghiêm chỉnh thân tâm (tề là chỉnh tề, là nghiêm chỉnh thân tâm). Trì trai là nghiêm chỉnh thân tâm không để cho nó tán loạn.

Trì đó là hộ vậy. Chỗ gọi rằng các giới hạnh như pháp mà hộ trì, ắt ở ngoài thì cấm sáu tình, ở trong thì chế phục tam độc, siêng năng cần mẫn giác sát, thân tâm thanh tịnh. Rõ được cái nghĩa như thế gọi là trì trai.

Về ăn có năm thứ:

+ Một là pháp hỉ thực, chỗ gọi rằng y theo chính pháp hoan hỉ phụng hành, gọi đó là pháp hỉ thực.

+ Hai là thiền duyệt thực, chỗ gọi rằng trong ngoài đều lóng lặng, thân tâm vui thích gọi là thiền duyệt thực.

+ Ba là niệm thực, chỗ gọi rằng thường niệm chư Phật, tâm và miệng tương ưng gọi là niệm thực.

+ Bốn là nguyện thực, chỗ gọi rằng đi, đứng, nằm, ngồi thường cầu nguyện lành, gọi là nguyện thực.

+ Năm là giải thoát thực, chỗ gọi rằng tâm thường thanh tịnh, không nhiễm theo trần tục.

Năm cái thực này gọi là trì trai. Nếu lại có người không có thực như năm cái thứ tịnh như thế, tự nói rằng trì trai đó thì không có lẽ phải vậy (không có trì trai năm thứ trên thì không phải là trì trai vậy).

Bây giờ thiếu gì người ăn thì ăn hoa quả, rau trái mà động tới thì sân đùng đùng, phải vậy không? Vậy mà nói tôi trì trai đó. Trì trai như vậy thì trai mà không có trai chút nào hết. Rồi cũng mưu mô, kế này mưu kia để mà gạt thiên hạ thì cái trì trai kia có nghĩa gì đâu! Cho nên Ngài chủ trương trì trai của Ngài

tức là năm thứ: - Pháp hỉ thực. - Thiền duyệt thực. - Niệm thực. - Nguyện thực. - Giải thoát thực. Nếu ăn năm thứ đó gọi rằng trì trai, còn nếu chưa ăn năm thứ này chưa phải là trì trai.

Chỉ đoạn cái món ăn vô minh liền cho là hiểu gọi là phá trai. Nếu cũng có phá trai thì làm sao mà được phước?

Đây câu này nghe nói thì hơi tối nghĩa, chúng ta thấy như không rõ. Nói trì trai là phải ăn năm cái món ăn đó thì tức là trì trai, còn nếu không ăn năm món ăn đó thì chưa phải là trì trai. Như vậy trì trai có nghĩa là chỉ đoạn trừ cái ăn mà để đoạn được cái vô minh, thì mới gọi là trì trai. Còn nếu liền khởi cái hiểu không phải ở trong năm thứ ăn này, không phải là cốt phá vô minh, mà còn khởi cái hiểu khác thì gọi đó là phá trai chớ không phải trì trai. Nếu phá trai thì làm sao mà được phước?

Ở đời này có những người mê không hiểu được cái lý này, thân tâm buông lung, đều làm các việc ác, tham dục, buông lung tâm tính, không hổ thẹn, chỉ dứt cái món ăn bên ngoài (không ăn thịt cá) tự cho là trì trai, ắt là không có lẽ phải vậy.

Bây giờ nói lễ bái

Lại lễ bái phải như pháp biết phải do cái lý thể ở trong cho sáng sủa rồi sự mới tùy theo đó mà quyền biến. Hội được cái nghĩa như thế mới gọi là y pháp.

+ Phàm nói lễ tức là kỉnh vậy, nói bái tức là phục.

+ Mình kỉnh phục tức là lễ bái, phải vậy không?

+ Chỗ gọi rằng cung kính chân tính, nép phục vô minh gọi là lễ bái.

+ Nếu hay cái ác tính hằng diệt, thiện niệm hằng còn, tuy chẳng có lý tướng gọi rằng lễ bái. Cái tướng ấy tức là pháp tướng vậy.

Ở đây nói rằng chúng ta mà hằng ngày, hằng đêm đối với cái ác tính mà mình dứt, cái thiện niệm hằng còn thì tuy rằng đối với cái lý tướng, tức là hình thức lễ bái mình không có, nhưng mà cũng gọi rằng lễ bái, thấy không? Mình không có thắp hương lạy Phật mà hằng dứt cái tình ác, hằng đầy đủ những niệm lành, như vậy đó đối với cái lý tướng thì coi như mình không, những vẫn gọi rằng lễ bái. Vậy tướng đó là tướng gì? Tức là pháp tướng. Mình sống đúng pháp thì gọi đó là lễ bái Phật.

Thế Tôn muốn khiến người thế tục tiêu biểu cái tâm khiêm hạ cũng dùng cái lễ bái, cho nên phải khuất phục cái thân ở bên ngoài rồi thị hiện cái cung kính ở bên trong. Giác ở ngoài, sáng ở trong, tính và tướng tương ưng với nhau. Nếu lại

có người không có hành cái lý pháp mà chỉ chấp cầu ở bên ngoài, trong thì buông lung tham, sân, si, thường làm nghiệp ác, ngoài thì rỗng không, nhọc nhằn cái thân tướng, dối làm thiện những cái oai nghi, không hổ thẹn với các bậc thánh, luống dối kẻ phàm, không khỏi luân hồi, đâu có thành công đức?

Đây, Ngài quở rằng: có những người không hiểu được lý pháp như vậy. Cái lý pháp là gì? Tức là luôn luôn đối với thân mình thì cung kính Phật, luôn luôn thân mình nép phục trước đức Phật, còn đối với tâm mình thì cung kính về cái giác. Ở ngoài thì giác, ở trong thì minh, như vậy thì tính tức là giác minh, tướng là cung kính nép phục, hai cái nó phù hợp nhau, đó là biết hành theo lý pháp. Chớ còn mình bây giờ chỉ cầu bên ngoài, tới giờ thì lễ Phật, lạy thôi là lạy mà ở trong thì buông lung tham, sân, si rồi thêm làm những nghiệp ác. Do đó chỉ có bên ngoài cầu Phật, lạy Phật suông, chỉ có cái giả hình bên ngoài như vậy đó là hổ thẹn với Phật, và đó là luống dối với kẻ phàm, người đó không khỏi bị luân hồi, như vậy làm sao có công đức? Cho nên nhiều khi những người thấy coi như cung kính Phật vô cùng, ngày đêm lễ bái có vẻ tận tụy lắm, mà bản thân mình, lòng mình không chịu hạn chế lòng tham, sân, si, không dẹp trừ những tính xấu, những cái hạnh hư mà cứ cho rằng lễ Phật như vậy đó là mình tu. Như vậy đó là mình hổ thẹn với Phật, đó là mình dối gạt kẻ phàm. Thấy ông đó thì tầm thường, ổng tu lắm phải không? Đó là mình gạt người thì như vậy phải luân hồi, làm sao có công đức được?

Như thế tôi nói lại: ở đây đối với Tổ Bồ-đề-đạt-ma, Ngài chỉ thẳng vào lý tính mà Ngài không đặt nặng vào sự tướng. Lý tính nó thật là chỗ giác ngộ, sự tướng chỉ là phương tiện bên ngoài, thành ra nếu chúng ta chưa hẳn sống được với lý tính hằng ngày như Ngài nói, thì ít ra chúng ta cũng mượn cái tướng mà hiển cái tính thì được; chớ còn nếu chúng ta chỉ tướng không, lạy Phật cũng lạy hình tướng mà trong tâm không biết tu thì cái đó cũng không có lợi gì. Còn nếu lạy bên ngoài mà để thấy được cái tính trong thì không có lỗi, phải không? Vì vậy cho nên chúng ta có thể mượn tướng để hiển tính, nương tướng để mà bày tính thì được, còn nếu mình nặng về tướng mà không hiển được tính thì như vậy trở thành si.

Hỏi: - Như trong kinh nói: "chí tâm niệm Phật ắt sẽ được vãng sinh về Tây Phương Tịnh độ", do một môn này liền ưng thành Phật, đâu có nhờ quán tâm mà cầu được giải thoát?

Đáp: - Phàm niệm Phật thì phải chính niệm. Liễu nghĩa là chính, còn không liễu nghĩa là tà. Chính niệm thì quyết được vãng sinh, còn tà niệm làm sao được đến cõi kia ư?

Phật là giác, gọi là giác sát nơi thân tâm, chớ khiến khởi ác. Niệm là nhớ, chỗ gọi rằng hằng nhớ giữ cái giới hạnh không quên, tinh tấn trọn liễu cái nghĩa như thế gọi là niệm. Cho nên biết niệm là ở nơi tâm chẳng phải ở nơi lời nói, cũng như nhân cái nôm mà tìm được cá, mà khi được cá thì phải bỏ cái nôm. Nhân lời nói mà tìm ý, được ý thì phải quên lời nói. Đã xưng gọi là niệm Phật thì phải biết cái đạo niệm Phật. Nếu tâm không thật mà miệng niệm cái tên suông, ba độc ở trong nó lẫy lừng, nhân ngã nó đầy bụng, thì đem cái tâm vô minh hướng bên ngoài cầu Phật luống lại rỗng công (là cái công phu luống uổng). Vả lại, tụng cùng với niệm cái nghĩa lý nó cách xa nhau. Ở miệng thì gọi là tụng, tại tâm thì gọi là niệm, cho nên biết niệm từ tâm khởi thì gọi đó là cái cửa giác hạnh. Còn tụng là từ trong miệng, tức là cái tướng của âm thanh. Chấp ở bên ngoài mà cầu lý trọn không có lẽ phải.

Như bây giờ, chúng ta có cái mà chúng ta hay hiểu lầm. Nói niệm Phật cầu vãng sinh rồi lúc đó mình niệm sao? Niệm Nam-mô A-di-đà Phật, như vậy niệm hay đọc? Cái chỗ lầm: mình niệm hay đọc? Bởi vì niệm là tâm, mà đọc là miệng, mà mình: Nam-mô A-di-đà Phật tức là miệng mình đọc chớ đâu phải là niệm. Niệm tức là tâm nó niệm, còn đọc là miệng nó đọc. Đọc tụng là miệng, còn niệm đó là tâm, mà bây giờ mình nói niệm Phật, như vậy đó là lầm rồi, cho nên Ngài nói: "Niệm tức là tâm, mà đọc tụng tức là miệng." Như vậy nếu chúng ta nói niệm Phật là gì? Tức là tâm nhớ cái giác hạnh của Phật, để mà xét nét lại mình đừng cho nó lầm lẫn.

Cho nên biết quá khứ các vị Thánh, chỗ tu về niệm Phật đều không phải nói ở bên ngoài mà chỉ xét ở trong tâm.

Tâm tức là nguồn tất cả pháp lành. Tâm là chủ của muôn công đức. Niết-bàn thường lạc đều do chân tâm mà sinh. Ba cõi luân hồi cũng từ nơi vọng tâm mà khởi. Tâm là cái cửa của xuất thế. Tâm là cái bến của giải thoát (quan tâm tức là bến bờ hay là cửa của giải thoát). Biết được cửa rồi thì đâu lo khó vào? Biết được cái cửa biển hay là bến đò rồi thì đâu có lo gì mà không xong? (không qua được?)

Như vậy chúng ta phải hiểu được cái ý nghĩa tu như vậy đó. Đó là nói về niệm Phật.

Hỏi: - Như trong kinh Ôn Thất nói: "Người nào mà tắm gội cho chúng Tăng thì được phước vô lượng." (Trong kinh Ôn Thất nói: những người sắm được bảy món để cho chúng Tăng tắm gội thì được phước vô lượng). Bảy món đó là gì?

Đáp: - 1. Nước trong, 2. Lửa nấu, 3. Thái đậu, 4. Cành dương chi, 5. Nước tro sạch, 6. Câu cao, 7. Nội y.

Có bảy thứ này để sẵn trong nhà tắm cho chư Tăng tắm thì có phước vô lượng. Đây là nói trong kinh Trung A-hàm (tức là trong kinh Ôn Thất), người nào sắm bảy thứ đó cúng dường chư Tăng thì có phước nhiều lắm. Nhưng nói bảy món đó thì chúng ta có cảm tưởng kinh A-hàm nặng về hình thức. Ấn Độ hồi đó sông ngòi ít lắm mà hồ, giếng thì nhà cửa xung quanh thì đông, cho nên chư Tăng ít được tắm lắm. Vì vậy, Phật bảo bảy ngày mới tắm một lần. Do đó thời bấy giờ ai mà sắm được bảy thứ đó sẵn sàng trong nhà tắm cho chư Tăng thì có phước lớn, nên Phật mới khen ngợi công đức đó. Ở đây, Ngài giải thích bảy món đó theo chỗ nhận xét của Ngài.

Theo Ngài thì đây là nằm trong cái hỏi:

“Tắm gội cho chư Tăng mà được phước vô lượng, đây là bằng vào sự pháp, cái công đức mới thành. Nếu dùng sự quán tâm thì đâu có thể tương ưng?”

Sở dĩ trong kinh Ôn Thất nói rằng sắm được bảy món đó cho chư Tăng tắm gội thì được phước vô lượng, như vậy bảy món đó là hình thức bên ngoài. Bây giờ bảo quán tâm nó đầy đủ công đức thì làm sao mà được?

Ngài mới giải thích:

“Tắm gội cho chư Tăng mà được phước vô lượng đó không phải là việc hữu vi của thế gian. Thế Tôn thường vì các vị đệ tử nói kinh Ôn Thất, muốn khiến cho những người họ thọ trì cái pháp tẩy dục (chữ Ôn Thất tức là cái nhà nước ấm, tức là thân vậy). Sở dĩ đốt lửa đó là lửa trí tuệ, còn nước sạch ấm đó là chỉ cho giới. Còn tắm gội ở trong thân là chỉ cho tắm gội ở trong thân chân như Phật tính. Thọ trì bảy pháp dùng để tự trang nghiêm, phải biết rằng thường ngày những vị thông minh, thượng trí đều hội được cái ý của Phật, như lời Phật dạy mà tu hành, công đức được thành tựu đều lên quả Thánh. Thời nay chúng sinh không lường được việc ấy, đem việc nước thế gian gội cái thân chất ngại, tự cho rằng y theo kinh, đều là lầm vậy.

Vả lại, cái chân như Phật tính không phải là cái hình phàm phu phiền não, trần cấu, xưa nay nó không tướng, đâu có thể đem nước chất ngại mà gội rửa, cái thân vô tri tự nó không thể tương ưng làm sao mà ngộ đạo? Nếu muốn thân này được tịnh thì phải quán sát cái thân này bản nhân tham dục, bất tịnh mà sinh ra; nó là ô uế, nhơ nhớp dẫy đầy. Trong ngoài đều dẫy đầy sự nhơ nhớp, nếu gội cái thân này cầu cho nó tịnh thì chẳng khác nào như mình xối nước trên cái hầm đất, rửa cái hầm đất có hết mới gọi là tịnh.

Tỷ dụ như có một cái hầm bằng đất mà mình muốn cho cái hầm đó sạch thì rửa chừng nào mới sạch? Chừng nào xối nước mà tan hết đất thì chừng đó mới sạch, phải vậy không? Thân này muốn nó sạch thì chừng nào mới sạch? Vì nó là

gốc bất tịnh rồi, nghĩa là cái lớp mà nó tràn ra mình gội rửa nó, mình cạo nó sạch một lát nó cũng tràn ra nữa, vì nguyên nó là cái thể bất tịnh thì không có bao giờ tịnh được hết. Chỉ tịnh là chừng nào nó hết trơn cái gốc bất tịnh đó thì nó mới tịnh được. Vì vậy cho nên muốn cho nó tịnh là chuyện không có.

Lấy đây mà nghiệm thì biết rõ cái thân bên ngoài không phải là cái ý của Phật nói vậy. Thế nên mượn cái việc thế gian để tỷ dụ cho cái chân tâm, ẩn nói bảy việc cúng dường công đức, bảy việc này để dụ cho bảy pháp. Tất cả chúng sinh do bảy pháp này gội rửa trang nghiêm hay trừ được tam độc vô minh, cấu uế. Bảy pháp ấy là:

1. Tịnh giới để rửa sạch lỗi lầm, ví như là nước sạch mà mình rửa sạch các trần cấu vậy.

2. Trí tuệ là quán sát trong ngoài, ví như là đốt lửa hay làm cho nước sạch nó ấm.

3. Phân biệt là giản trạch, lựa bỏ cái ác, ví như là thái đậu (xà bông) làm sạch các chất dơ.

4. Chân thật nghĩa là đoạn hết các vọng tưởng, ví như là cành dương nó làm tiêu hơi hôi ở trong miệng.

Bên Ấn Độ người ta nhai cành dương để hết cái hơi hôi trong miệng, sáng thức dậy, người ta lấy cành dương nhai hoài, đó là để trừ cái hơi hôi ở trong miệng, cũng như bây giờ mình đánh răng buổi sáng bằng kem.

5. Chính tín để quyết định không còn nghi ngờ gì nữa, ví như là nước tro sạch làm cho thân mình không bị gió (tắm nước tro sạch làm cho thân mình không bị gió).

6. Nhu hòa, nhẫn nhục, cam chịu ví như là câu cao nó làm cho trơn láng cái da bên ngoài.

7. Hổ thẹn là hối các nghiệp ác, ví cũng như là cái nội y để ngăn cái hình xấu xí của mình.

Bảy pháp báu như trên, là cái nghĩa bí mật ở trong kinh, đều là vì các vị Đại thừa, lợi căn mà nói chớ không phải là vì kẻ tiểu trí hạ liệt phàm phu. Sở dĩ người thời nay không thể ngộ rồi lén thầm thấy kim thời, cái hiểu biết cạn cợt, chỉ lấy sự tướng làm công phu, rồi rộng bày ra những việc phí tiền phần nhiều thương tổn cái thủy lục (tức là nước nôi) rồi vọng lập ra những tượng, tháp rồi luống sắp những người phu dịch để chứa nhóm cây lựa đất, rồi tô xanh vẽ lục. Đem hết cái tâm lực mà làm tổn mình, nơi người chưa hiểu để mà hổ thẹn thì

đến chừng nào mới được giác ngộ.

Thấy hữu vi thì siêng năng mến đắm, nói vô vi thì họ mờ mờ như mê.

Nghĩa là thấy cái hữu vi thì thích lắm, ưa lắm, theo tìm còn nói đến vô vi thì ngây ngây như kẻ mê, không biết gì.

Vả lại ham một chút lòng từ của hiện đời mà đâu có giáp được cái đau khổ của đời sau. Cho tu học này luống tự nhọc nhằn, trái với cái chính mà trở về theo cái tà, nói gì là được phước?

Chỉ hay nhiếp tâm chiếu soi ở trong, giác quán rõ ràng ở ngoài, dứt sạch ba độc hằng khiến nó tiêu mất, đóng cửa sáu giặc không khiến nó sinh nhiễm. Tự nhiên hằng sa công đức, các thức trang nghiêm, vô số pháp môn, mỗi mỗi đều được thành tựu siêu việt phàm tình, chứng lên thánh quả, mục kích không xa, ngộ chỉ trong chốc lát, không có phiền nhọc gì, cho đến đầu phải bạc (không có nhọc nhằn gì đâu xa, chờ đầu bạc mới được). Cái chân môn nó là y lý, đâu có thể trình bày cho tường tận được. Lược nói quán tâm một ít phần của nó. Nên nói kệ rằng:

Ngã bản cầu tâm tâm tự trì Cầu tâm bất đắc đãi tâm tri Phật tính bất tùng tâm ngoại đắc Tâm sinh tiện thị tội sinh thì.

Dịch:

Ta xưa cầu tâm tâm tự giữ Cầu tâm không được đợi tâm biết Phật tính không từ ngoài tâm được Tâm sinh bèn là lúc tội sinh.

Như vậy bốn câu kệ này Tổ lại kết thúc cả một môn cho chúng ta thấy, nghĩa là chúng ta tu hành xưa nay là cốt cầu được tâm, cầu được tâm thì không thể được mà đợi tâm thì biết, cầu được tâm thì tự nhiên tự tâm nó gìn giữ. Tại sao cầu tâm không được? Mà đợi tâm thì biết? Vì khi mình cầu tâm thì tâm đã mất rồi thì lấy cái gì mà cầu nó. Tâm đó là tâm rồi mà còn cầu tức là nó có hai tâm. Vì vậy cho nên cầu tâm mà cầu không được. Nhưng mà bây giờ mình không cần cầu nữa, mình chỉ hết vọng thì tự nhiên biết tâm chớ gì? Cho nên đợi tâm tri, đãi tâm tri tức là hết đối đãi thì liền biết được tâm. Phật tính nó không ngoài tâm mà được, không phải cầu ngoài tâm mà được. Nếu tâm vừa dấy niệm sinh lên thì lúc đó tội đã sinh rồi. Tâm dấy niệm lên thì tội theo đó mà sinh. Ai muốn hết tội thì đừng có dấy tâm, dấy tâm là có tội. Chúng ta kiểm lại coi một ngày mình có bao nhiêu tội?

Ngã bản cầu tâm bất cầu Phật Liễu tri tam giới không vô vật Nhược dục cầu Phật đản cầu tâm Chỉ giá tâm tâm tâm thị Phật.

Dịch:

Ta xưa cầu tâm chẳng cầu Phật Rõ biết tam giới không không vật Nếu muốn cầu Phật chỉ cầu tâm Chỉ cái tâm tâm tâm ấy là Phật.

Ngài nhấn mạnh tâm tâm tâm ấy là Phật chớ không có gì khác hết. Mình cứ đi tìm ông Phật ngoài tâm mà không thấy tâm mình chính là Phật. Như vậy nếu người nào cầu Phật, ngay nơi tâm mình mà cầu. Cầu mà không cầu nghĩa là hằng trở về với tâm thì đó là cầu Phật. Ngoài tâm ra thì không có một vật gì thật hết. Cho nên mới nói: "Rõ biết tam giới không không vật." Muốn cầu Phật thì chỉ cầu nơi tâm thôi, chính cái "tâm tâm" đó mới là Phật chớ không có cái nào khác. Ngay nơi tâm đó, chính nó là Phật.

Tổ Bồ Đề Đạt Ma - HT.Thích Thanh Từ dịch và giảng giải ***

Nguồn link: **http://thuongchieu.net/index.php/chuyende/6cuavaodong/3181-phatuongluan**

BÀI LIÊN QUAN: Sáu cửa vào động thiếu thất - Giới thiệu Sáu cửa vào động thiếu thất - Cửa thứ nhất: Tâm kinh tụng